

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 7 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành và bà Trần Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang lao động tại Đài Loan không rõ địa chỉ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 14 tháng 02 năm 2005 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12 năm 2009 thì chị Nguyễn Thị L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan được 02 năm về nước. Đến đầu năm 2012, chị L tiếp tục quay lại

Đài Loan làm việc và từ đó vợ chồng không liên lạc với nhau, chị L cũng không gửi tiền về cho anh T và các con để chi tiêu, sinh hoạt gia đình; bản thân anh T không biết lý do. Tháng 7 năm 2021, chị L nhắn tin cho anh T và thông báo đã sinh con tại Đài Loan với người đàn ông khác; đồng thời, đề nghị anh T làm đơn ly hôn gửi Tòa án và từ đó anh T không liên lạc được với chị L. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm tới ai nữa. Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh Phạm Văn T xác định vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Phạm Nguyễn Lan A, sinh ngày 02/9/2005 và cháu Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 18/10/2008; hiện 02 cháu đều đang ở với anh Phạm Văn T. Khi ly hôn anh T xin nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Anh Phạm Văn T xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa xác định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Lan A, sinh năm 2005 và cháu Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh năm 2008 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với anh T. Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, do chị Nguyễn Thị L cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã xác minh trực tiếp đối với bà Phan Thị U (Mẹ đẻ chị L) và giao trách nhiệm cho bà U thông báo cho chị Nguyễn Thị L biết việc Tòa án đang giải quyết Đơn ly hôn của anh Phạm Văn T với chị Nguyễn Thị L. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy báo phiên tòa cho bà Phan Thị U, cũng như niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị L vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018

của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc: “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ”, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 14 tháng 02 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là vợ chồng cách xa nhau, anh T ở tại Việt Nam, còn chị L lao động và sống tại Đài Loan; mặc dù, đã hết hạn hợp đồng lao động nhưng chị L không về Việt Nam sinh sống và cả hai vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm, chia sẻ với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt. Xét hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L là phù hợp pháp luật.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 cháu (1) Phạm Nguyễn Lan A, sinh ngày 02/9/2005; (2) Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 18/10/2008; hiện 02 cháu đều đang ở với anh Phạm Văn T. Khi ly hôn, anh T xin nuôi cả 02 cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng từ thời điểm chị L đi lao động tại Đài Loan đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi các cháu và nguyện vọng của cháu Lan Anh, cháu Hoàng Dương đều muốn ở với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cả 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định; do anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác do anh Phạm Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí anh Phạm Văn T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Lan A, sinh ngày 02/9/2005 và cháu Phạm Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 18/10/2008 cho anh Phạm Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phạm Văn T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001542 ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (Anh Phạm Văn T đã nộp đủ).

Án xử công khai sơ thẩm, anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Văn Xá, huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy